

# Xu hướng hôn nhân khác tộc của người Hà Nhì ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Hoàng Phương Mai\*

Nhận ngày 7 tháng 8 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 9 năm 2022.

**Tóm tắt:** Thông qua phân tích các vấn đề từ quan niệm truyền thống ưu tiên lựa chọn hôn nhân đồng tộc, đến những yếu tố mở ra xu hướng hôn nhân khác tộc, bài viết này cho thấy bối cảnh đặc thù của người Hà Nhì ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc và biểu thị kết quả của quá trình tiếp biến văn hóa, mở đường cho sự hội nhập phát triển tộc người. Việc tập trung nhận diện “xu hướng” hôn nhân khác tộc góp phần dự đoán định hướng phát triển hôn nhân, gia đình và xã hội tộc người Hà Nhì trong tương lai. Điều này đặc biệt có ý nghĩa với tình hình chính trị, xã hội tại địa bàn nghiên cứu biên giới Việt Nam - Trung Quốc, khu vực sinh sống của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay<sup>1</sup>.

**Từ khóa:** Hôn nhân khác tộc, người Hà Nhì, biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

**Phân loại ngành:** Dân tộc học

**Abstract:** By analyzing issues from the traditional concept of prioritizing the choice of same-race marriages to the factors that open up the trend of interracial marriages, this article shows the specific context of the Hà Nhì ethnic people in the border areas Vietnam and China as well as the results of the acculturation process, thereby paving the way for the integration and development of ethnic groups. Focus on identifying the “trend” of interracial marriage contributes to predicting the development orientation of marriage, family and society of the Hà Nhì ethnic group in the future. This is especially meaningful in the context of political and social situation in the research area - the Vietnam-China border, where is the living area of Hà Nhì people in Bát Xát district, Lào Cai province today.

**Keywords:** Interracial marriage, Hà Nhì people, Vietnam - China border.

**Subject classification:** Ethnology

## 1. Mở đầu

Hôn nhân phản ánh một phần đáng kể quy luật phát triển của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử, đồng thời thể hiện sâu sắc đặc thù văn hóa từng tộc người. Hôn nhân là sự hợp nhất được công nhận về văn hóa và pháp luật giữa hai cá nhân - thường là giữa người nam và người nữ tạo nên quan hệ vợ - chồng, là nền tảng hình thành gia đình với các mối quan hệ về tình cảm, huyết thống, kinh tế, xã hội, tôn giáo, phong tục tập quán, văn hóa tộc người... gắn liền với nhân thân của họ, từ đó phát sinh các quyền và nghĩa vụ nhất định cho các bên. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, các tộc người thiểu số (TNTS) chủ yếu cư trú tại địa bàn nông thôn, trung du và miền núi. Một số tộc người sống tách biệt và khép kín và vẫn còn những mặc cảm, tự ti. Do đó, trong truyền thống, phạm vi kết hôn thường không quá cách xa nơi ở và xu hướng lựa chọn hôn nhân với người đồng tộc khá phổ biến.

\* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: maihp.vass@gmail.com

<sup>1</sup> Bài viết là một phần kết quả của đề tài cấp Bộ (2021 - 2022) “Gia đình của người Hà Nhì và người Giáy ở vùng biên giới huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay”, do TS. Hoàng Phương Mai chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

Người Hà Nhì<sup>2</sup> cư trú tại xã biên giới Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai là một cộng đồng vốn phổ biến tâm lý lựa chọn kết hôn với người đồng tộc cả trong nội địa Việt Nam và đồng tộc xuyên biên giới Trung Quốc. Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 dẫn đến việc đóng cửa biên giới Việt Nam - Trung Quốc và nguyên tắc ngoại hôn dòng họ chặt chẽ khiến đối tượng kết hôn của người Hà Nhì ngày càng hạn chế. Tác động của nền kinh tế thị trường, sự mở rộng khu vực đi làm ăn xa, phát triển giao lưu văn hóa qua mạng xã hội... khiến cho hôn nhân khác tộc của người Hà Nhì dần trở thành một xu hướng đáng kể.

“Hôn nhân khác tộc” là hôn nhân mà vợ và chồng thuộc hai dân tộc khác nhau. Định nghĩa này hẹp hơn so với “hôn nhân hỗn hợp” (mixed marriage) - ngoài khía cạnh chủng tộc còn bao hàm cả sự hỗn hợp về quốc tịch và tôn giáo. Trên phương diện dân tộc học/nhân học, hôn nhân khác tộc của các TNTS được khá nhiều tác giả quan tâm như: Nguyễn Văn Minh (2008), Đoàn Đình Thi (2010), Bùi Ngọc Quang (2014), Cao Thị Thường (2014), Cù Thị Thu Hằng (2016), Vũ Ngọc Xuân Ánh (2020), Cao Thị Lan Anh (2021)... là những nghiên cứu về các TNTS có mật độ đan xen khác tộc khá đa dạng, có sự hòa hợp văn hóa, ảnh hưởng kinh tế - xã hội giữa các tộc người khác nhau một cách nổi bật. Tuy nhiên, tại khu vực biên giới Việt - Trung, vấn đề này chỉ được tiếp cận là một khía cạnh nhỏ trong các nghiên cứu của Vương Xuân Tình (2011), Đặng Thị Hoa (2016), Vũ Phương Nga (2016)... chủ yếu tập trung vào các nội dung về quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia dân tộc, quan hệ chính trị - kinh tế - xã hội vùng biên giới, tiếp biến văn hóa... Vấn đề hôn nhân hỗn hợp chỉ là các số liệu, nhận định mang tính so sánh thể hiện đặc tính tập quán của các TNTS vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Đặc biệt, nghiên cứu về hôn nhân khác tộc của người Hà Nhì vẫn là một vấn đề còn bỏ ngỏ, bởi từ trong truyền thống cho đến những năm đầu thập niên 2000, hiện tượng hôn nhân khác tộc rất ít, hoặc có những thời điểm thậm chí không xuất hiện, trong xã hội Hà Nhì tại địa bàn nghiên cứu.

Với những khoảng trống trong bối cảnh nghiên cứu hiện nay, bài viết sẽ tập trung phân tích các quan niệm, từ truyền thống ưu tiên lựa chọn hôn nhân đồng tộc, đến những yếu tố dẫn đến xu hướng mở rộng đối tượng kết hôn với các dân tộc khác của người Hà Nhì ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Những vấn đề liên quan như: tiêu chí lựa chọn bạn đời, các mối quan hệ trong gia đình hôn nhân khác tộc, đánh giá ưu điểm và hạn chế của hôn nhân khác tộc... sẽ được đi sâu làm rõ hơn trong một nghiên cứu khác. Việc tập trung vào xu hướng lựa chọn hôn nhân là để thấy biến đổi về nhận thức của tộc người, lý giải sự tăng dần số lượng cặp hôn nhân khác tộc trong một vài năm gần đây là kết quả của quá trình tiếp biến văn hóa, bước đầu mở đường cho hội nhập và phát triển, nhận diện xu hướng góp phần nói lên bản chất hiện tượng xã hội tác động làm thay đổi ý thức của cộng đồng dân tộc và dự đoán định hướng phát triển của người Hà Nhì trong tương lai. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chính trị, xã hội hiện nay tại địa bàn nghiên cứu biên giới Việt Nam - Trung Quốc, như khu vực sinh sống của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Tư liệu bài viết là kết quả của hai chuyến khảo sát vào các năm 2021 và 2022 tại xã Y Tý, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Choán Thèn và Lao Chải là hai thôn có mật độ người Hà Nhì sinh sống cao được chúng tôi lựa chọn khảo sát. Choán Thèn có 60 hộ với 323 khẩu, tỷ lệ người Hà Nhì sinh sống là 95%; thôn Lao Chải có 144 hộ với 785 khẩu, 90% là người Hà Nhì (Ban Dân tộc

---

<sup>2</sup> Dân tộc Hà Nhì thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến, sinh sống chủ yếu ở huyện Mường Tè (tỉnh Lai Châu), huyện Mường Nhé (tỉnh Điện Biên) và huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai).

tỉnh Lào Cai, 2021). Các phương pháp nghiên cứu được áp dụng là điều tra phiếu hỏi, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm cùng các số liệu thứ cấp thu thập từ chính quyền địa phương. Mẫu phỏng vấn cá nhân có sự phong phú về độ tuổi, nghề nghiệp, mức sống, trình độ học vấn; đối tượng nghiên cứu hộ gia đình đa dạng về loại hình như: gia đình thuần nhất dân tộc Hà Nhì, gia đình hỗn hợp dân tộc và gia đình có quan hệ hôn nhân xuyên biên giới, để có cái nhìn tổng thể và xác định xu hướng phát triển của hôn nhân, gia đình người Hà Nhì một cách cụ thể.

## 2. Tâm lý ưu tiên lựa chọn kết hôn với người đồng tộc

Nhóm Hà Nhì đen hiện nay đang sinh sống tại Lào Cai di cư từ Côn Minh (Trung Quốc) qua một số tỉnh thành khác rồi đến huyện Bát Xát (Việt Nam) vào khoảng 300 năm về trước (Dương Lục Kim, 2007), hiện nay cư trú nhiều nhất tại xã biên giới Y Tý với 2.484 người (Ủy ban nhân dân xã Y Tý, 2021).

Chặng đường di cư được người Hà Nhì thêu dệt thành những truyền thuyết cho đến nay các thế hệ Hà Nhì vẫn kể lại cho nhau nghe, như các trường ca *Xa nhà ca* và *Phùy cá ná* (Chu Thùy Liên, 2004, tr.13-15). Tâm lý ưu tiên lựa chọn hôn nhân đồng tộc của người Hà Nhì thể hiện rõ qua những câu chuyện cổ, đặc biệt cốt truyện *Sù Phuy À Khoòng* cho thấy dấu ấn về tục lệ này có từ những buổi đầu vất vả dựng xây vùng đất, lãnh thổ tộc người.

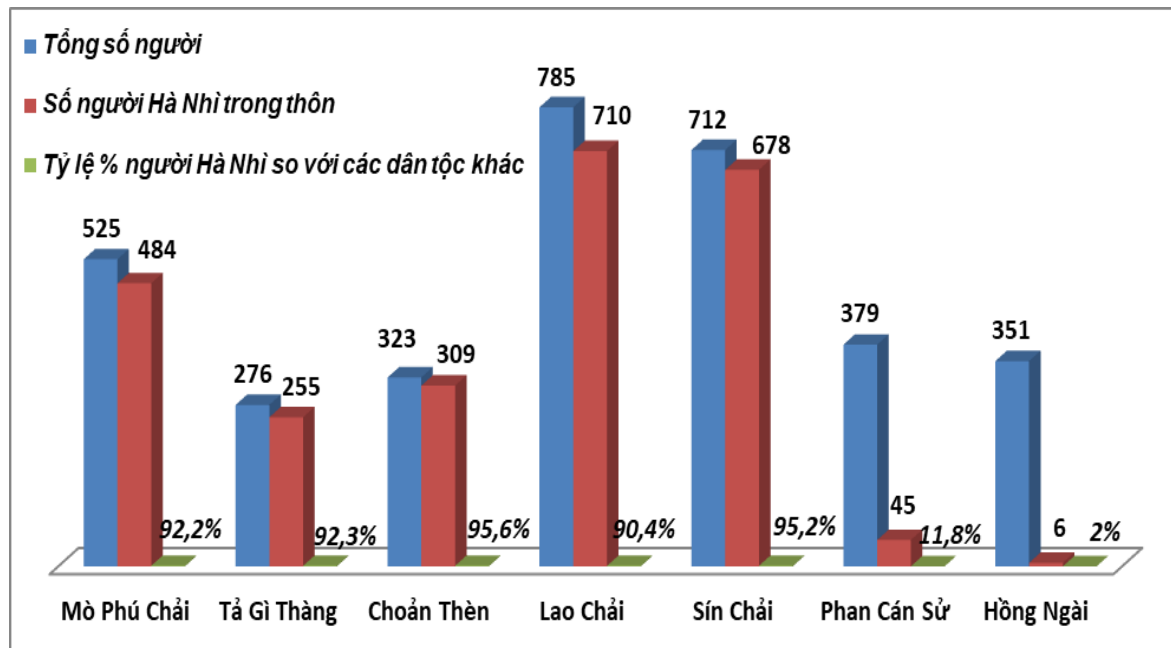
Chuyện kể rằng, Sù Phuy À Khoòng là vùng đất do người Hà Nhì lập nên rất trù phú, tươi đẹp, các bộ lạc lân bang nhiều lần tìm cách lấn chiếm, nên người Hà Nhì luôn cảnh giác trước các ý định xâm lược đó. Trải qua nhiều tình tiết của câu chuyện, con gái thủ lĩnh Hà Nhì lại muốn kết hôn với con trai người Nà Da<sup>3</sup>. Dân chúng Hà Nhì không chấp nhận cuộc hôn nhân này, họ cho rằng “Người Nà Da thâm hiểm như con rái cá lặn dưới lòng sâu, không sống được với người Hà Nhì ngay thẳng thật thà được đâu!”, nhưng thủ lĩnh không nghe những can ngăn đó. Con rể người Nà Da xin được sống tại Sù Phuy À Khoòng. Anh ta lập mưu chiếm đất và đuổi hết người dân Hà Nhì đi. Đoàn người mất hết đất đai, phải chạy mãi xuống phương Nam, qua nhiều khó khăn cũng tìm được vùng đất Khò Ma Lò Mế và ở lại xây dựng cuộc sống mới (Chu Chà Mè và cộng sự, 2013, tr.336-352). Nội dung câu chuyện cho thấy, từ xa xưa, người Hà Nhì đã luôn không tán thành việc kết hôn khác tộc. Bối cảnh di cư phải chống chọi với nhiều kẻ thù khiến hình thành trong họ lối sống “phòng thủ”. Vì vậy, mong muốn lựa chọn hôn nhân với những người cùng dân tộc luôn được ưu tiên bởi sự tin tưởng lẫn nhau và tăng cường tính cố kết tộc người, đặt việc bảo vệ lợi ích cộng đồng lên trên hết. Đây cũng là một trong những lý do người Hà Nhì ít sống đan xen với các tộc người khác trong cùng một thôn bản cho đến hiện nay.

Về sau này, khi cuộc sống định cư yên ổn, người Hà Nhì vẫn duy trì tính cách sống “co cụm”, mật tập rất rõ rệt. Trong tổng số 12 thôn của xã Y Tý, có thôn 7 người Hà Nhì tập trung sinh sống. Biểu đồ dưới đây cho thấy, thôn bản của người Hà Nhì vẫn khá tách biệt, tỷ lệ xen cài với dân tộc khác đến nay vẫn rất thấp.

Các dân tộc khác cùng sinh sống trên địa bàn liền kề người Hà Nhì là Kinh, Giáy, Tày và Dao, sau này có xuất hiện một số ít người Thái, các tộc người này mới đến sinh sống tại cộng đồng Hà Nhì chỉ khoảng hơn 10 năm trở lại đây và chủ yếu ở các hộ gia đình với vai trò là con dâu, con rể, còn chủ hộ gia đình vẫn là người Hà Nhì.

<sup>3</sup> Nà Da là bộ tộc người Hán từng nhiều lần đem quân đánh chiếm vùng đất Sù Phuy À Khoòng của người Hà Nhì.

Biểu đồ 1: Thống kê dân số và tỷ lệ người Hà Nhì so với các dân tộc khác tại một số thôn có người Hà Nhì sinh sống tại xã Y Tý



Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Y Tý (2021).

Tại một số thôn như Phan Cán Sứ và Hồng Ngài, các dân tộc chiếm số đông là H'mông và Mường, một tỷ lệ nhỏ người Hà Nhì cùng sinh sống là những người phụ nữ Hà Nhì kết hôn với nam giới khác tộc ở các thôn bản này. Việc mức độ cư trú xen cài với các tộc người khác thấp cho thấy: trong khoảng thời gian rất dài, người Hà Nhì vẫn duy trì tập quán hôn nhân đồng tộc của mình.

Tiếp cận các nghiên cứu khác về người Hà Nhì tại xã Y Tý cũng khẳng định: trong cộng đồng Hà Nhì thường phổ biến tâm lý thích kết hôn với người đồng tộc. Năm 2010, trong thôn Lao Chải chỉ có 2 trường hợp hôn nhân khác dân tộc, là nam Hà Nhì lấy người Thái và nữ Hà Nhì lấy người Dao. Hầu hết các trường hợp hôn nhân nội biên đều là tự nguyện và rất hiếm có trường hợp cưỡng hôn hay ép gả (Vương Xuân Tình, 2011, tr.54). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Lành (2016, tr.52) cho biết: “Người Hà Nhì đen từ xưa đến nay rất ít kết hôn với người ngoài tộc, vài trường hợp con trai, con gái Hà Nhì đen lấy người Mông, người Dao, vì bất đồng ngôn ngữ dẫn tới hai vợ chồng không hiểu nhau, không hiểu nếp sống và cách nghĩ của nhau...”. Như vậy, một nguyên nhân khác khiến hôn nhân đồng tộc được ưu tiên là do người Hà Nhì mong muốn có sự hòa hợp cả về phong tục tập quán và ngôn ngữ, để mọi thành viên trong gia đình không bị đối lập về nếp sống, mong giữ được sự thuận hòa, yên ấm. Con trai Hà Nhì muốn tìm vợ là người đồng tộc, họ cho rằng “Gái dân tộc mình đẹp, không thích lấy gái dân tộc khác...” (Trịnh Thị Lan, 2017, tr.90), đồng thời, phụ nữ Hà Nhì cũng nổi tiếng chăm chỉ làm ăn, biết vun vén việc nhà, cam chịu, chấp nhận thể chế gia đình trọng nam khinh nữ rất đặc trưng với nhiều phong tục nặng nề dành cho người con dâu<sup>4</sup>.

<sup>4</sup> Theo lý cũ của người Hà Nhì, con dâu không ngồi ăn chung mâm với đàn ông vai trên của chồng như bố, chú, bác, anh chồng. Bữa ăn phải ngồi xôm hoặc đứng ăn cơm. Phụ nữ bị cấm kỵ việc đứng gần bàn thờ tổ tiên, không tham gia các nghi lễ cúng, giỗ, lễ hội của thôn bản mà chỉ được phục vụ các công việc bên ngoài. Trong phân công lao động, nam giới làm việc lớn như dựng nhà, sửa nhà, phát nương, cày bừa,... còn lại phụ nữ đảm nhiệm hầu hết mọi việc từ trông trọt, chăn nuôi, nội trợ, lấy củi, thu hoạch nông sản, chăm sóc con cái và cha mẹ già... Trong quỹ thời gian của phụ nữ không có những khoảng được nghỉ ngơi như nam giới.

Nghiên cứu tại địa bàn cho thấy rằng, ở thế hệ nam giới sinh vào thập niên 1980 trở về trước, tư tưởng hôn nhân nội tộc người khá đậm nét. Anh Chu Che G. (sinh năm 1981, Choản Thèn) cho biết: “Tôi và bạn bè từ khi còn thanh niên luôn thích lấy vợ Hà Nhì, chúng tôi quen biết các bạn gái cùng thôn từ lâu rồi vì cùng nhau đi làm nương, đi chợ, đi chơi nên hiểu rõ về nhau. Khi đó, chúng tôi cũng ngại phải ra ngoài tìm hiểu phụ nữ dân tộc khác”. Một nam giới khác cho rằng: “Ngày xưa tôi lấy vợ Hà Nhì thì đúng mong muốn của bố mẹ và tôi cũng thích như vậy, lấy vợ dân tộc khác sợ khó nói chuyện và nó về nhà mình có chịu khó làm việc như vợ Hà Nhì không, nếu không chịu được khổ mà bỏ đi thì sao? Cho nên lấy vợ Hà Nhì vẫn là tốt nhất” (Cha Ly S., sinh năm 1987, Lao Chải). Hầu hết nam giới nhận thức rằng, ở một địa bàn vùng cao còn nhiều khó khăn như Y Tý, luôn đòi hỏi cả vợ và chồng phải biết cùng nhau chịu khó, chịu khổ, cùng là người Hà Nhì sẽ thông cảm cho bạn đời cũng như gia cảnh của nhau. Thực tế, tư tưởng trọng nam khinh nữ và bất bình đẳng giới chưa được cải thiện đáng kể trong gia đình Hà Nhì. Việc áp đặt hủ tục lạc hậu khiến cho tính chất phụ quyền còn khá đậm nét. Bản thân phụ nữ Hà Nhì từ nhỏ đã tiếp xúc với phong tục hà khắc, nên nam giới cho rằng lấy vợ đồng tộc sẽ dễ dàng chấp nhận và thực hiện các phong tục này.

Những phụ nữ trong độ tuổi 30-40, khi được hỏi về việc lựa chọn bạn đời trước kia, cho biết: “Vợ chồng em biết nhau từ nhỏ, mình cũng rõ nhà họ thế nào, dù ở khác thôn nhưng sau vài lần đi chơi cùng thì lấy nhau thôi. Cùng Hà Nhì thì dễ lấy nhau, nhất là mấy thôn quanh đây như Choản Thèn, Lao Chải, Tả Giè Thàng, Sín Chải” (Cha Ly S., sinh năm 1984, Lao Chải). Sau khi tiếp xúc nhiều hơn với phụ nữ Hà Nhì, chúng tôi nhận thấy họ là những người mạnh mẽ, dù đã chăm lo vun vén cho gia đình, cam chịu vất vả, nhưng tồn tại trong họ là sự khát khao được thay đổi địa vị của mình trong xã hội trọng nam, để có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Bạo lực trong gia đình Hà Nhì là chuyện không hiếm gặp, khi phụ nữ phải làm việc liên tục từ sáng đến tối không được nghỉ ngơi thì nhiều người chồng lại vô tâm, ít chia sẻ, rượu chè say xỉn, gây cho họ những tổn thương cả về mặt thể chất và tinh thần (Bùi Bích Lan, 2022, tr.53). Tâm sự sâu hơn, chị Pha Cha X. (sinh năm 1987, Choản Thèn) trải lòng: “Mình không trả lời được thích lấy đàn ông Hà Nhì hơn người Dao, Hmông, hay Kinh hơn..., chỉ là người Hà Nhì với nhau thì quen phong tục rồi và đàn ông họ đi hỏi cưới mình trước, nên hầu hết cứ được hỏi cưới là nghe theo. Chồng lấy mình về rồi thì làm việc cho nhà chồng, không có thời gian làm những thứ mình thích đâu, vất vả lắm, nên nhiều lúc cũng thấy chán nản”. Có thể thấy tư tưởng nội hôn tộc người rất sâu đậm ở nữ giới khoảng độ tuổi 30 trở về trước, nếu không muốn nhận mạnh rằng đa số họ cho đó là lựa chọn duy nhất. Nữ giới thường cảm nhận mình ở thế bị động và ít có quyền quyết định trong hôn nhân, nên họ cho rằng, kết hôn với đồng tộc là đương nhiên và tâm lý này dẫn dắt nhận thức của họ. Song, nếu có điều kiện vượt ra khỏi khuôn phép và được lựa chọn, họ có thể đón nhận xu hướng hôn nhân khác tộc dễ dàng hơn so với nam giới.

### 3. Kết hôn với đồng tộc xuyên biên giới

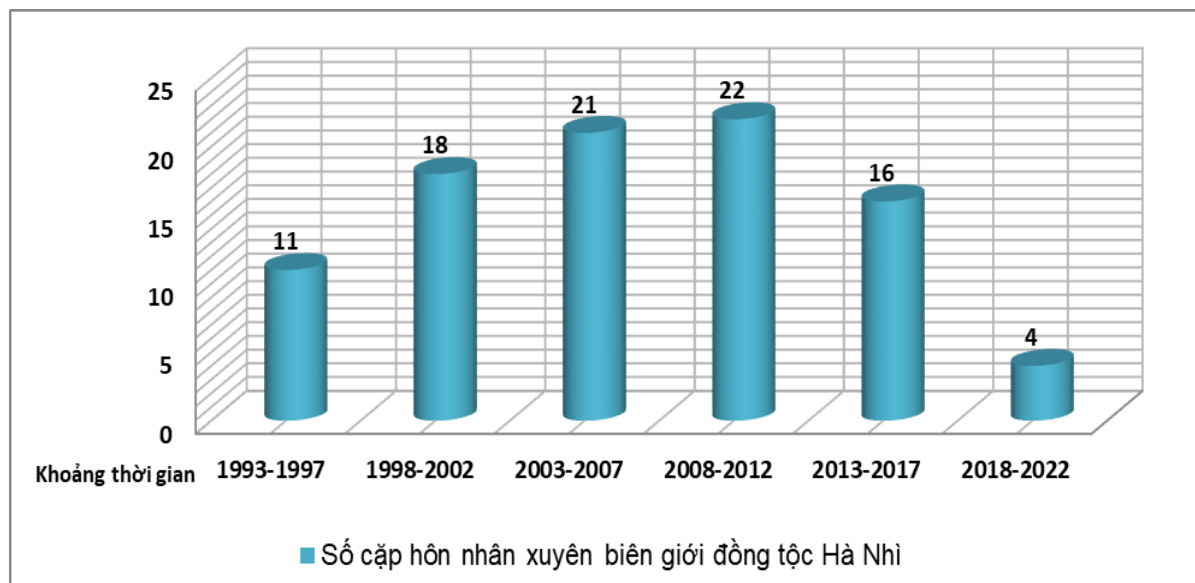
Nguyên tắc hôn nhân của người Hà Nhì có khá nhiều quy định chặt chẽ. Nội hôn dòng họ đặc biệt bị nghiêm cấm, nếu kết hôn với dòng bên ngoài phải cách nhau ít nhất 4 đời, nếu cùng họ nội phải cách ít nhất 5 đời, đồng thời kiêng kỵ việc kết hôn với những dòng họ khác đã thề kết nghĩa anh em<sup>5</sup>; không cho phép hai anh em trai lấy hai chị em gái và kết hôn giữa con chú, con bác, con dì, con cô, con cậu với nhau. Những nguyên tắc này rất hà khắc, nếu ai vi phạm, không tuân thủ sẽ bị đuổi ra khỏi cộng đồng. Kết hôn khác tộc chỉ không được ưu tiên lựa chọn, chứ không nằm trong các nguyên tắc “bất di bất dịch” này, nên vẫn có thể thực hiện được.

<sup>5</sup> Tại Choản Thèn và Lao Chải, các dòng họ đã kết nghĩa anh em thì không được phép kết hôn với nhau, đó là: giữa họ Chang với họ Phu, họ Phà với họ Cha, họ Chu với họ Sần và họ Lý với họ Sần.

Những nguyên tắc trong hôn nhân khiến đối tượng lựa chọn bạn đời của người Hà Nhì bị thu hẹp hơn nữa, vì vậy, hôn nhân với đồng tộc Hà Nhì bên kia biên giới Trung Quốc khá phổ biến vào thời điểm trước chiến tranh biên giới Việt - Trung (1979). Các cuộc hôn nhân xuyên biên giới thường theo một chiều là nữ Hà Nhì người Việt Nam lấy nam Hà Nhì người Trung Quốc. Sự mất cân bằng giới tính và chính sách “một con” của chính quyền Trung Quốc dẫn đến lượng nữ giới bị thiếu hụt, vì thế nhu cầu tìm phụ nữ Việt Nam để kết hôn là không nhỏ. Bên cạnh đó, tập quán đồng tộc Hà Nhì Trung Quốc được cho là tương đồng với người Hà Nhì ở Việt Nam, họ cũng mong muốn kết hôn với người cùng dân tộc, cùng ngôn ngữ và chung nguồn gốc từ quá trình thiên di nên khá hiểu nhau.

Từ năm 1979 đến 1991, mối quan hệ này gần như ngừng hẳn và chỉ tiếp tục trở lại khi hai nước Việt Nam - Trung Quốc bình thường hóa. Biểu đồ 2 dưới đây cho thấy, từ năm 1993 trở đi, hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới đã hình thành trở lại, thống kê trong các khoảng thời gian thì trung bình có 3 trường hợp/năm (giai đoạn 1993-1997), cao nhất tăng lên xấp xỉ 4,5 trường hợp/năm (2003-2007 và 2008-2012), đó là thời điểm chợ biên giới đã trở nên sầm uất, buôn bán nông sản và lao động làm thuê xuyên biên giới của đồng bào Hà Nhì ngày càng phát triển.

Biểu đồ 2: Số cặp hôn nhân xuyên biên giới với đồng tộc Hà Nhì từ sau năm 1991 tại thôn Choản Thèn



*Nguồn:* Thống kê nhân khẩu của cán bộ thôn và phỏng vấn hồi cố những người cao tuổi tại thôn Choản Thèn.

Số lượng các cặp hôn nhân đồng tộc Hà Nhì xuyên biên giới theo thống kê trên đây ít hơn đáng kể so với thời điểm trước chiến tranh biên giới và hầu hết là không có đăng ký kết hôn với chính quyền. Nguyên nhân không hẳn là do thời gian xa cách gián đoạn vì chiến tranh, mà từ sự kiểm soát biên giới chặt chẽ hơn trước rất nhiều, đặc biệt là phải thực hiện các thủ tục đăng ký kết hôn theo pháp luật. Người Hà Nhì cho rằng thủ tục kết hôn với người nước ngoài rất phức tạp, phải nộp nhiều lệ phí và công sức đi lại giữa hai nước. Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số chính sách đặc thù về đăng ký kết hôn cho DTTS vùng biên giới, nhưng vẫn gặp khó khăn từ phía Trung Quốc. Hệ quả của không đăng ký kết hôn là người vợ (Việt Nam) và con cái của họ bên Trung Quốc

không có giấy tờ tùy thân, không được công nhận là công dân Trung Quốc, phải sống trốn tránh pháp luật, nên cả mẹ và con đều thiệt thòi khi tiếp cận với giáo dục, y tế, việc làm (Hoàng Phương Mai, 2021, tr.58).

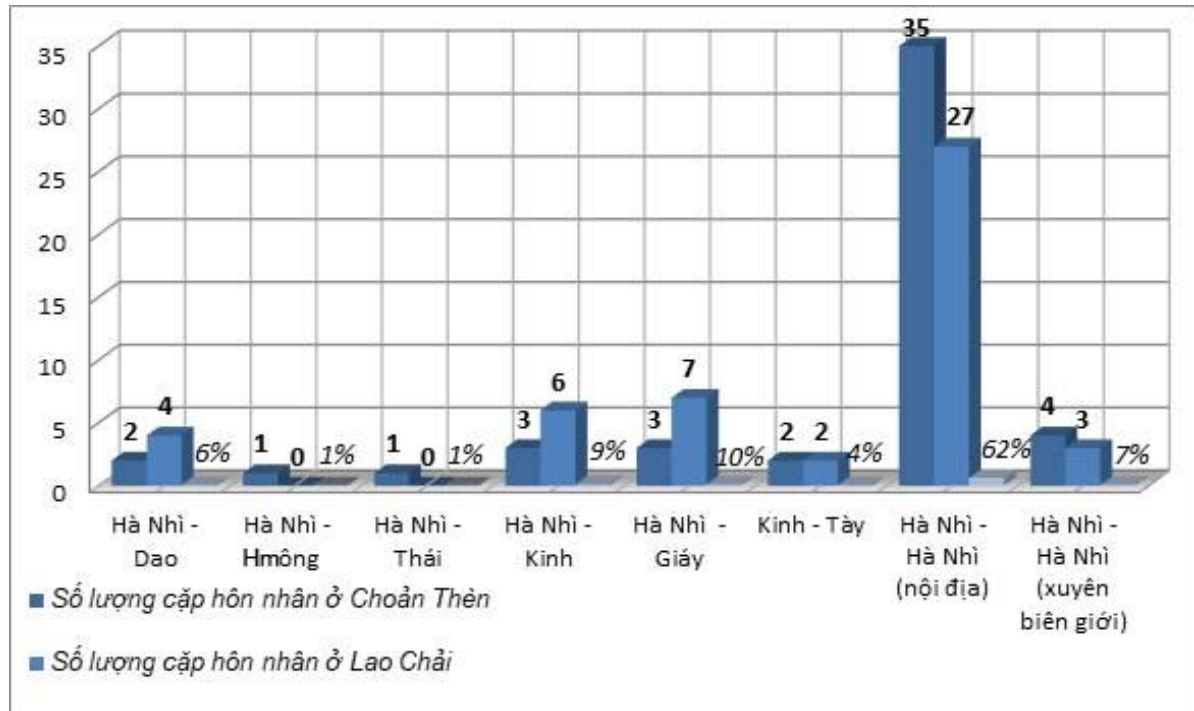
Việc phụ nữ Hà Nội kết hôn với đồng tộc xuyên biên giới là điều bình thường, song, với những phụ nữ đã lập gia đình, áp lực từ cuộc sống lao động quá cực nhọc, thiếu sự sẻ chia từ người chồng, thì những lời mời gọi của nam giới Trung Quốc đã khiến một số phụ nữ mong muốn vượt ra khỏi cuộc hôn nhân của mình. Hiện tượng phụ nữ “bỏ đi khỏi địa phương” chỉ phụ nữ đã có chồng, có con sang lấy nam giới Trung Quốc xuất hiện không ít ở Choán Thèn và Lao Chải. Chính quyền cho rằng, số liệu về những trường hợp này khó thống kê, vì khi rời khỏi địa phương họ không khai báo, nên không thể xếp vào trường hợp là di cư lao động hay kết hôn xuyên biên giới. Tính đến tháng 4/2021, Choán Thèn vẫn còn 4 nữ giới (từ 25-38 tuổi) chưa thể trở về Việt Nam sau các nỗ lực của chính quyền. Qua tìm hiểu chúng tôi được biết, có gia đình đã đi tìm nhưng không thấy, cũng có người lại chủ động liên hệ về, thông tin cho rằng họ đã lấy chồng mới và sinh con. Tại Lao Chải, thời điểm năm 2022, số phụ nữ “bỏ đi khỏi địa phương” là 12 người, được thống kê qua các cuộc phỏng vấn của chúng tôi với lãnh đạo thôn. Trong số 12 phụ nữ này, có người đã trở về sau một vài năm sinh sống bên Trung Quốc, có những người vẫn chưa thể về Việt Nam.

#### 4. Xu hướng hôn nhân khác tộc

Người Hà Nội trải qua nhiều biến cố trong lịch sử, với những lần bị ngăn cách do ly tán từ các cuộc đánh đuổi chiếm đất của người Hán, rồi sau này là chiến tranh biên giới 1979 làm gián đoạn các quan hệ thăm thân và hôn nhân xuyên biên giới. Tuy nhiên, khi quan hệ hai nước bình thường hóa trở lại, họ vẫn tìm và kết nối được với nhau. Trong đó, sự cố kết tộc người bền chặt thông qua hôn nhân đồng tộc lâu dài từ đời này đến đời khác cho thấy sức mạnh đoàn kết nội tại của người Hà Nội duy trì khá mạnh mẽ. Tuy nhiên, có những yếu tố khác tác động lớn hơn những khoảng cách về không gian. Đó là sự phát triển của thời đại mới. Quy luật đi lên của xã hội thúc đẩy nhiều tộc người khác sinh sống bên cạnh người Hà Nội đã khá chủ động trong việc hòa nhập thông qua mở rộng quan hệ hôn nhân khác tộc. Vì vậy, song song với ý thức cố kết cộng đồng lại đang dần hình thành xu hướng đối nghịch với truyền thống và, trong tương lai, có thể phá vỡ lối sống đề cao “tính đồng tộc” tồn tại bấy lâu ở người Hà Nội.

Khi dịch Covid-19 chưa xảy ra thì những tình huống gặp gỡ, tìm hiểu dẫn đến hôn nhân của nam nữ hai bên biên giới đã rất đa dạng, từ các dịp như: đi buôn bán, làm thuê, đi chơi chợ tình cờ gặp gỡ, được bạn bè giới thiệu, thậm chí các cô gái bị bắt cóc rồi đem bán, ép buộc làm vợ đàn ông Trung Quốc tại các tỉnh rất xa biên giới. Đối tượng gặp gỡ quen biết của thanh niên Hà Nội đến tuổi kết hôn không bó hẹp là những người đồng tộc gần nơi sinh sống hoặc đồng tộc giáp biên giới nữa, mà gồm cả các tộc người khác sống liền kề hoặc một số tộc người khác ở phía Trung Quốc như người Hán, người Choang hoặc người Mãn. Như vậy, trong cả quan hệ hôn nhân xuyên biên giới, yếu tố đồng tộc cũng giảm dần và yếu tố khác tộc đang gia tăng. Chính vì vậy, tại Biểu đồ 2 ở phần trên cũng biểu thị số lượng các trường hợp hôn nhân đồng tộc xuyên biên giới có chiều hướng giảm từ giai đoạn 2013-2017 và đến những năm 2018, 2019 chỉ còn 1 đến 2 trường hợp mỗi năm. Sau khi dịch Covid-19 bùng phát, hiện tượng này đã ngừng hẳn. Số liệu điều tra các hộ tại Choán Thèn và Lao Chải cho thấy, dù tỷ lệ hôn nhân đồng tộc Hà Nội vẫn chiếm phần lớn (69% - gồm đồng tộc Hà Nội trong nội địa là 62% và đồng tộc Hà Nội xuyên biên giới là 7%), song đa dạng lựa chọn hôn nhân với nhiều tộc người khác đã lên tới 31%, cho thấy xu hướng hôn nhân khác tộc đã khá rõ rệt ở người Hà Nội (Biểu đồ 3).

Biểu đồ 3: Tỷ lệ hôn nhân đồng tộc, hôn nhân khác tộc tại hai thôn Choản Thèn và Lao Chải



Nguồn: Số liệu nghiên cứu thực địa tháng 4 năm 2022.

Tại địa bàn nghiên cứu, chúng tôi tiếp xúc với nam giới là người Kinh (từ Nam Định, Vĩnh Phúc), người Thái (từ Yên Bái), người Dao (từ Bắc Cạn) đến làm ăn rồi kết hôn với phụ nữ Hà Nhi và định cư tại đây. Một số cô giáo người Kinh từ miền xuôi đến Y Tý dạy học và quyết định ở lại lập gia đình. Trưởng thôn Choản Thèn, anh Ly Cá S. cho biết: “Khoảng 2, 3 năm nay, nhiều nam, nữ trong độ tuổi lao động đi làm thuê, đi học nghề tại các xã, huyện, tỉnh khác đã lấy chồng, lấy vợ khác tộc, nhưng họ ở lại địa phương đó, nên thôn không thống kê vào sổ hộ ở đây”. Đó là đổi thay rõ rệt ở người Hà Nhi: trước đây, họ chỉ muốn làm nương trên mảnh đất của mình, buôn bán nhỏ hoặc làm thuê ở biên giới gần nhà để đi về trong ngày, thì hiện nay, thấy bạn bè đi làm ăn xa tới các tỉnh khác trong nội địa, họ cũng rủ nhau như một trào lưu, đặc biệt là vào nửa cuối năm 2021 và đầu năm 2022, khi tình hình dịch Covid-19 dần được kiểm soát tốt.

Trước tình thế nhu cầu việc làm tăng cao tại các địa bàn biên giới, tỉnh Lào Cai đã triển khai một số biện pháp như: liên kết với các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp tại các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh, và dự kiến sắp tới sẽ mở rộng đến Bình Dương, Đồng Nai... để tổ chức các phiên giao dịch việc làm, thu hút đồng bào DTTS tham gia vào thị trường lao động trong nước. Đây là cơ hội để thế hệ trẻ Hà Nhi chủ động tiếp nhận tri thức từ các xã hội phát triển đưa về quê hương, đồng thời, xây dựng những mối quan hệ mới phù hợp trong độ tuổi kết hôn. Điều này sẽ càng thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng kết hôn khác tộc của người Hà Nhi.

Trong bối cảnh đất nước và thế giới chuyển mình mạnh mẽ về cách mạng khoa học kỹ thuật, dù ở vùng cao biên giới xa xôi, Chính phủ Việt Nam luôn nỗ lực phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục y tế, thông tin... để đồng bào ở các địa phương khó khăn không trở nên lạc hậu. Hiện tại, mạng Internet tốc độ cao đã được bao phủ rộng rãi tại hầu hết các xã, thôn của huyện Bát Xát, trong đó có Lao Chải và Choản Thèn. Nhiều gia đình lắp đặt sử dụng mạng wifi 4G. Người Hà Nhi, từ độ tuổi trung niên đến thanh niên, đa số sử dụng điện thoại thông minh khá thành thạo, giúp cho các

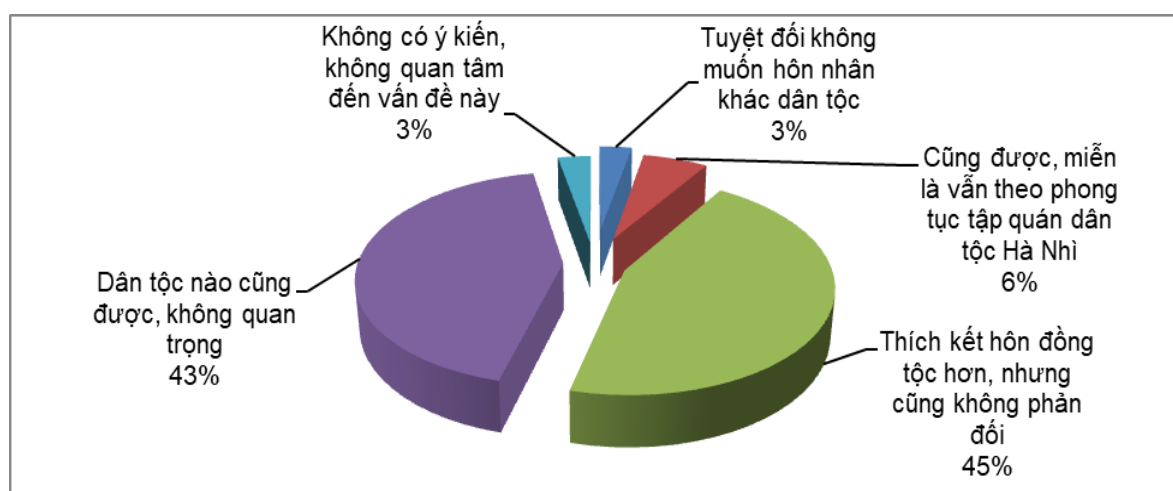


công việc liên quan đến cộng đồng như quan hệ họ hàng, mạng lưới lao động làm thuê trong nội địa và xuyên biên giới được thuận lợi hơn rất nhiều. Song, đặc biệt, những ứng dụng Zalo, Facebook, Wechat... đã tác động không nhỏ đến các mối quan hệ tình cảm, hôn nhân.

Ứng dụng mạng xã hội và trang web tìm bạn là một câu nói không hiện hữu về vật chất, nhưng lại có thể từng bước phá vỡ những quan điểm cố hữu về ưu tiên lựa chọn hôn nhân đồng tộc. Đến thăm một hộ gia đình ở thôn Lao Chải, chúng tôi gặp Ly Có B. (sinh năm 1998) đang bế con nhỏ khoảng 8 tháng tuổi, được hỏi về câu chuyện hôn nhân của mình, cô cho biết: “Năm 2019, em quen chồng em là người Kinh qua Facebook, lâu dần có tình cảm nảy sinh. Khi dịch Covid không đi chợ biên giới được, em biết anh ấy đang ở Hà Nội, nên quyết định ra Hà Nội đi làm. Em bán hàng rong trên vỉa hè đường phố Hà Nội được gần 1 năm thì chúng em lấy nhau. Nhà chồng em ở xã An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội đó, em mới sinh con nhỏ nên đang nghỉ bán hàng. Hôm nay, ở nhà có lễ Cúng bản, phong tục Hà Nội đều được nghỉ làm nên chị em em mới hẹn nhau về thăm bố mẹ”. Chị gái cô là Ly Có X. (sinh năm 1996) cũng bày tỏ: “Bây giờ chị em ở Lao Chải đi khắp nơi làm thuê, đi học xa, quen ai thích ai thì lấy thôi. Không như vài năm trước chỉ loanh quanh trong mấy thôn Hà Nội với chợ biên giới đâu. Năm nay thấy bảo có mấy cặp người lấy người Kinh và người Dao đấy, vừa rồi do Covid nên chưa tổ chức đám cưới thôi”.

Sự cởi mở hơn trong quan niệm lựa chọn bạn đời khác tộc không chỉ thấy rõ ở thế hệ thanh niên đi làm ăn xa, mà ngay cả những người Hà Nội từ trung niên đến cao tuổi được phỏng vấn đều cho thấy tư duy vốn đề cao cố kết dân tộc trong hôn nhân từ bao đời đã dần thay đổi. Biểu đồ 4 cho thấy, quan điểm hôn nhân khác tộc đang chuyển biến khi ý kiến “Kết hôn với dân tộc nào cũng được, không quan trọng” chiếm 43%. Có thể người Hà Nội vẫn chưa “thoải mái” hoàn toàn với sự hỗn hợp dân tộc phát triển trong cộng đồng, nhưng khi tiếp xúc với những người cao tuổi, chúng tôi không thấy ở họ sự “cố chấp” mà đã nhận thức được khá rõ đổi thay của thời đại mới, 45% số người được hỏi đang ở mức “chấp nhận” với hiện trạng này, họ cho rằng “Thích kết hôn đồng tộc hơn, nhưng cũng không phản đối”; chỉ còn 3% “Tuyệt đối không muốn hôn nhân khác dân tộc”.

Biểu đồ 4: Quan điểm về việc con cháu kết hôn với người khác tộc



Nguồn: Số liệu điều tra thực địa tháng 4 năm 2022.

Sự khác biệt văn hóa trong gia đình Hà Nội hỗn hợp hiện nay không phải là nguy cơ gây ra xung đột sau khi kết hôn. Những cặp vợ chồng khác tộc thường đến với nhau bằng hôn nhân tự nguyện, quá trình tìm hiểu trước hôn nhân đã giúp họ tìm cách dung hòa khác biệt. Phỏng vấn

chị Lý Xa L. (người Dao, sinh năm 2000): “Khi lấy chồng mình cũng học chút tiếng nói và tìm hiểu phong tục Hà Nhì để về nhà chồng đỡ bỡ ngỡ. Còn hai vợ chồng mình học hết cấp 2 rồi nên nói chuyện với nhau bằng tiếng phổ thông. Cuộc sống ở đây vất vả nhưng mình thấy thoải mái vì bố mẹ chồng không khát khe gì”. Chồng của chị, anh Chu Có M. (người Hà Nhì, sinh năm 1997, Lao Chải) cho biết: “Khi tôi lấy vợ người Dao, bố mẹ tôi không bắt cô ấy ngồi ăn cơm mâm riêng dưới đất. Nhiều khi họ không hiểu tiếng nói của nhau vì mẹ tôi không biết nói tiếng phổ thông và tiếng Dao, nhưng cũng không thấy xảy ra mâu thuẫn gì”. Khi tiến hành hôn lễ ở đám cưới khác dân tộc, nếu ở bên nhà trai Hà Nhì, cô dâu và chú rể sẽ mặc quần áo truyền thống, thực hiện nghi lễ của dân tộc Hà Nhì, khi tổ chức bên nhà gái người Dao thì đôi vợ chồng lại mặc trang phục và thực hiện nghi lễ của dân tộc Dao. Các cặp hôn nhân hỗn hợp dân tộc khác cũng diễn ra tương tự. Nhà trai và nhà gái luôn có sự “thỏa thuận” để phong tục, lễ nghi được thống nhất, dẫn đến sự suôn sẻ, vẹn tròn. Sau khi thành hôn, khi ở bên đảng trai hay đảng gái thì tuân theo tập quán của nơi tộc người mình đang ở.

Tại Choán Thèn và Lao Chải, định kiến dân tộc trong các gia đình hỗn hợp dân tộc không biểu hiện rõ nét, có nghĩa rằng tại địa bàn người Hà Nhì đang sinh sống, họ vẫn tự tin ở những giá trị của mình bởi cộng đồng họ vẫn chiếm số đông. Những cặp hôn nhân của người Hà Nhì với người Kinh, người Giáy, người Thái lại cho thấy quan hệ vợ chồng có sự bình đẳng hơn trong phân chia công việc và các quyền quyết định so với gia đình thuần nhất Hà Nhì. Thực tế này cho thấy, bước đầu người Hà Nhì đã có thích ứng tích cực giữa các thành viên trong gia đình hỗn hợp dân tộc, việc thực hành các mối quan hệ ứng xử giúp họ từng ngày điều chỉnh lối sống và gần gũi hơn với văn hóa các dân tộc khác. Cao Thị Thường (2014) khi nghiên cứu về hôn nhân hỗn hợp của người Dao Thanh Y cho rằng: khi hôn nhân khác tộc phát triển mạnh thì có xu hướng phá vỡ tính tự cấp, tự túc trong kinh tế hộ gia đình, bởi vợ và chồng học hỏi kinh nghiệm làm ăn lẫn nhau dẫn tới nhiều cơ cấu ngành nghề mới xuất hiện. Xu thế phát triển hôn nhân hỗn hợp cũng làm tăng tách hộ sớm, tạo ra sự độc lập tự chủ, không phụ thuộc vào gia đình lớn. Với người Hà Nhì ở Y Tý, xu hướng trên cũng đang hình thành, bởi sinh kế nông nghiệp khép kín chiếm ưu thế, nhất là sau dịch Covid-19 không thể làm thuê xuyên biên giới thì người Hà Nhì chỉ trông trọt, chăn nuôi là chủ yếu. Kinh doanh, dịch vụ bắt đầu mở ra từ các hộ hôn nhân khác tộc giữa người Hà Nhì với người Kinh, người Thái, như mở cửa hàng tạp hóa, nhà hàng nấu ăn uống, làm homestay phục vụ du lịch. Điều này đã làm mới diện mạo cơ cấu thành phần kinh tế trên địa bàn. Hiện trạng cũng cho thấy các hộ hôn nhân khác tộc tại điểm nghiên cứu đều là các gia đình hạt nhân, được tách hộ khá sớm từ sau khi hoàn thành các thủ tục kết hôn.

## 5. Một số bàn luận và kết luận

Hôn nhân đồng tộc ở người Hà Nhì vốn là quan niệm bền bỉ qua thời gian, dù trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, vẫn rất khó phá vỡ. Tuy nhiên, khi các điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội phản ánh sự “chín muồi” cần phải thích ứng với thời đại mới thì thay đổi nhận thức là tất yếu. Hôn nhân khác tộc ở người Hà Nhì được hình thành không giống so với nhiều dân tộc khác khi đa số xuất phát từ việc cư trú xen cài nhiều dân tộc làm điều kiện cho nam nữ tiếp xúc với nhau dẫn tới hôn nhân, mà chủ yếu từ các nguyên nhân sau: *Thứ nhất*, việc đóng cửa biên giới với hàng rào ngăn cách được thiết lập gần như dập tắt những hy vọng của người Hà Nhì về các con đường mòn tiêu ngạch sẽ nổi trở lại sau Covid-19. Các quan hệ xuyên biên giới giảm thiểu là cơ hội mở ra xu hướng đi làm ăn xa và kết hôn khác tộc trong nội địa Việt Nam của người Hà Nhì vốn từ lâu chỉ bó hẹp trong địa vực sinh sống tại biên giới Việt Nam - Trung Quốc. *Thứ hai*, sự phát triển của khoa học công nghệ, mạng lưới xã hội qua các ứng dụng trực tuyến giúp người Hà Nhì mở rộng cơ hội tìm bạn đời

khác tộc, ngày càng cách xa nơi cư trú. Điều này khiến cho giới hạn về không gian lựa chọn đối tượng kết hôn không còn hạn chế. Thứ ba, sự phát triển nhanh chóng của xã hội công nghệ thông tin, bối cảnh phát triển chung của đất nước đã thúc đẩy sự thay đổi nhận thức của người Hà Nội diễn ra nhanh chóng.

Một số nghiên cứu tại Y Tý trong khoảng 10 năm trở lại đây: Vương Xuân Tình (2011), Nguyễn Thị Lành (2016), Trịnh Thị Lan (2017), cho thấy còn đâu đó sự e dè, thận trọng và không tán thành hôn nhân khác tộc ở người Hà Nội. Đến thời điểm nghiên cứu các năm 2021, 2022, chúng tôi nhận thấy sự thay đổi rõ rệt về nhận thức của người Hà Nội, đặc biệt ở lứa tuổi thanh niên, ngày càng không đặt nặng vấn đề lựa chọn hôn nhân theo truyền thống, cha mẹ của họ đa số đồng thuận nếu con cái lựa chọn hôn nhân khác tộc. Mặc dù xu hướng bảo lưu văn hóa gốc vẫn song hành cùng xu hướng hội nhập, song tốc độ của hội nhập và phát triển ngày càng diễn ra mạnh mẽ hơn. Sức hút từ những địa bàn sinh kế mới đưa đến nhiều lựa chọn đa dạng để mỗi cá nhân khẳng định vị thế của mình và quyết định hôn nhân với những đối tượng phù hợp. Khi mở được nút thắt rào cản với người khác tộc trong hôn nhân, cũng có thể mở ra những điều kiện phát triển mới trong tương lai gần, giúp người Hà Nội mạnh dạn hơn, để dung hòa các quan hệ khác tộc, mở rộng địa bàn sinh sống đến nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Hôn nhân khác tộc đem lại yếu tố tích cực góp phần tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, tạo nên sự đa dạng về mặt sinh học, góp phần nâng cao chất lượng dân số. Tuy nhiên, trên khía cạnh bảo tồn văn hóa truyền thống, hôn nhân khác tộc có thể phá vỡ nền tảng hôn nhân truyền thống khi các tộc người cố gắng cải biến nghi lễ, phong tục để có được cuộc hôn nhân dung hòa cho cả chàng trai và nàng gái, điều này dẫn đến những lỏng lẻo trong kết nối quan hệ gia đình dòng tộc và sự tiếp nối truyền thống văn hóa Hà Nội. Đây là vấn đề cần sự quan tâm thích đáng của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách, để có biện pháp thu hút nhiều hơn lực lượng lao động tại chỗ, phát huy thế mạnh địa phương, tích cực tuyên truyền văn hóa tộc người bằng nhiều hình thức để mỗi cá thể nâng cao ý thức bảo tồn văn hóa dân tộc mình trong bối cảnh hôn nhân khác tộc phát triển hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

1. Cao Thị Lan Anh (2021), “Phân công lao động giữa vợ và chồng về công việc gia đình trong gia đình hôn nhân khác dân tộc của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3.
2. Vũ Ngọc Xuân Ánh (2020), “Một số ghi nhận về hôn nhân khác tộc người và khác tôn giáo của người Chăm Hồi giáo ở Nam Bộ”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 6.
3. Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai (2021), *Bộ dữ liệu về các dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai tính đến 31/12/2020*, Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện điều tra khảo sát.
4. Cù Thị Thu Hằng (2016), *Tập quán sinh đẻ và chăm sóc trẻ nhỏ trong gia đình hỗn hợp dân tộc Mường - Việt ở xã Kiệt Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ*, Luận văn thạc sĩ Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội.
5. Đặng Thị Hoa (2016), *Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Dương Lục Kim (2007), “Lịch sử người Hà Nội ở Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Hà Nội học*, Văn Nam.
7. Trịnh Thị Lan (2017), *Nghi lễ của người Hà Nội ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai hiện nay*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
8. Bùi Bích Lan (2022), “Không gian ảo, cuộc sống thật: Ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống phụ nữ Hà Nội ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 3.

9. Nguyễn Thị Lành (2016), *Đám cưới của người Hà Nhì đen ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
10. Chu Thùy Liên (2004), *Tìm hiểu văn hóa dân tộc Hà Nhì ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
11. Hoàng Phương Mai (2021), “Một số vấn đề về quan hệ xuyên biên giới của người Hà Nhì ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 4.
12. Chu Chà Mè, Chu Thùy Liên, Lê Đình Lai (2013), *Truyện cổ Hà Nhì*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Minh (2008), “Lựa chọn bạn đời: Quy tắc và thực hành hôn nhân”, in trong *Gia đình nông thôn Việt Nam trong chuyển đổi*, Dự án VS-RDE-05, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Vũ Phương Nga (2016), “Hiện trạng hôn nhân hỗn hợp dân tộc tại xã Quang Lang, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 10.
15. Bùi Ngọc Quang (2014), “Hôn nhân hỗn hợp tộc người và hôn nhân xuyên biên giới của người Brâu ở Việt Nam: Những vấn đề và giải pháp quản lý quan hệ tộc người và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên”, Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học.
16. Cao Thị Thường (2014), *Hôn nhân hỗn hợp của người Dao Thanh Y ở xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Đoàn Đình Thi (2010), *Hôn nhân hỗn hợp giữa các dân tộc ở một số địa phương tỉnh Bạc Liêu*, Báo cáo chuyên đề khoa học.
18. Vương Xuân Tinh (2011), *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Viện Dân tộc học.
19. Ủy ban nhân dân xã Y Tý (2021), Báo cáo *Đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân xã Y Tý khóa XVII, nhiệm kỳ 2016-2021*, số 11/BC-UBND, ngày 18/1/2021.